

Bản án số: 123/2021/DS-ST;

Ngày: 16/4/2021.

V/v Tranh chấp di chúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần.
2. Bà Nguyễn Thị Kim L.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, T phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 500/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp di chúc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2021/QĐST-DS ngày 06/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: 1224/5D, tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đại diện uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 111/1A ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, T phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Lê Thị Thu N**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 306/11, tổ 28, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

2.2. Bà **Lê Thị Kim Ánh V**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: 367/17/16, tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

2.3. Bà **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 1224/5D, tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

2.4. Bà **Lê Thị T Tr**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 365, tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

2.5. Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 367/17/16, tổ 25, Khu phố N, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

2.6. Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 367/17/16, tổ 25, Khu phố N, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

Đại diện uỷ quyền của bà Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị T Tr, bà Lê Thị Ngọc T, bà Lê Thị Tuyết Minh là bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1962 (Có mặt tại phiên tòa).

Thường trú: 239/63/3 Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, T phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Văn P**, sinh năm: 1976 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: 1224/5D, tổ 25, Khu phố N, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh.

Đại diện uỷ quyền của ông P: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 111/1A ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, T phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

3.2. Ông **Nguyễn Anh K**, sinh năm: 1974.

3.3. Bà **Giang Ánh N**, sinh năm: 1980.

3.4. Bà **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm: 1968.

3.5. Bà **Thạch Thị S**, sinh năm: 1979.

3.6. Ông **Trần Công Đ**, sinh năm: 1964.

3.7. Ông **Lý Văn K**, sinh năm: 1959.

3.8. Bà **Quang Phụng L**, sinh năm: 1962.

3.9. Bà **Lý T T**, sinh năm: 1997.

- 3.10. Ông (bà) **Nguyễn T Q**, sinh năm: 1976.
- 3.11. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1977.
- 3.12. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1995.
- 3.13. Ông **Nguyễn Văn Dũng E**, sinh năm: 1990.
- 3.14. Bà **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm: 2001.
- 3.15. Ông **Đinh Văn H**, sinh năm: 1990.
- 3.16. Bà **Lê Thị Kim Đ**, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: 367/11/7 đường Vườn Lài, tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự gồm các bà: Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị Tuyết Minh, Lê Thị T Tr, Lê Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T: Bà H Thị T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Thuận T thuộc Đoàn Luật sư T phố Hồ Chí Minh.*

(Có mặt tại phiên tòa).

5. *Người làm chứng:*

5.1. Ông **Lý Sà R**, sinh năm: 1981.

Thường trú: ấp Thạnh Cường, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình P (Xin vắng mặt).

5.2. Ông **Lê Văn M**, sinh năm: 1990.

Thường trú: Ấp 19, xã Vĩnh Bình, huyện HB, tỉnh BL (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn yêu cầu ngày 03/4/2019; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 22/7/2020; Bản tự khai; Biên bản hòa giải ông Lê Văn N là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Q là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông nội của ông Lê Văn N là ông Lê Văn T, sinh năm: 1939 và bà nội ông N là bà Lê Thị B, sinh năm: 1943. Trước khi chết ông T và bà B có lập di chúc viết tay có hai người làm chứng với nội dung sau khi ông bà qua đời thì để lại tài sản cho ông Lê Văn N gồm:

1. Diện tích 200m² đất theo bản vẽ số 1156/VPĐK ngày 17/5/2013 (có tài sản trên đất là 08 căn nH trọ đang cho thuê) thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban N dân Quận 12 cấp ngày 09/11/1999.

2. Diện tích 214,3m² (có căn nH trên đất) theo bản vẽ số 123/HĐĐĐ/2013 do công ty cổ phần đo đạc – xây dựng – kinh doanh nH Nguyên Trường Minh lập ngày 18/01/2013 thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02048 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban N dân Quận 12 cấp ngày 09/11/1999.

Ngày 19/01/2018 ông Lê Văn T chết và ngày 11/02/2017 bà Lê Thị B chết, được khai tử tại Ủy ban N dân phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án N dân Quận 12 công nhận di chúc do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập ngày 26 tháng 3 năm 2016 lúc 10 giờ 00 phút, tại địa chỉ 1124/5D, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập ngày 26 tháng 3 năm 2016 là vô hiệu thì phía nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố này.

**Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 30/12/2020 của bà Lê Thị Ngọc T là bị đơn trình bày:*

Vào ngày 23/5/2019, Tòa án N dân Quận 12 có Thông báo thụ lý vụ án số 500/2019/TLST-DS về việc “Yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp”.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bà có bản tự khai, trình bày ý kiến di chúc do ông N xuất trình là không hợp pháp và yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Nay bà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật mà yêu cầu Tòa án N dân Quận 12 tuyên bố di chúc mà ông N yêu cầu công nhận là vô hiệu, vì những lý do sau:

Năm 2016, cha bà đã 78 tuổi, mẹ bà 74 tuổi thường xuyên đau ốm, không còn Minh lẫn như trước. Lúc cha bà còn tỉnh táo ông cũng hiểu biết pháp luật nên đã mời Thừa phát lại lập vi B ghi nhận sự việc vợ chồng ông Lê Văn P (cha mẹ của ông Lê Văn N) lừa gạt cha mẹ bà để chiếm đoạt, sang tên hơn 1000m² ddaats. Vì vậy, nếu cha mẹ bà còn Minh lẫn vào thời điểm lập di chúc này và nếu di chúc này là ý nguyện của cha mẹ bà, không bị lừa dối, ép buộc thì cha mẹ bà đã đi khám sức khỏe để lập di chúc.

Chữ viết, chữ ký, dấu V tay trên tờ di chúc không phải của ông T, bà B.

Bà tìm hiểu được biết 02 người làm chứng này ở Sóc Trăng, cùng quê với bà Mai Thị L và có họ Hng với bà Mai Thị L. Ông T, bà B già yếu, cũng không có bà con dòng họ gì ở tận Sóc Trăng, cả gia đình bà không ai quen biết hai người làm chứng này. Gia đình bà ở đây bao đời, không thiếu người để nhờ làm chứng, nên không lý do gì mà cha mẹ bà mời người tận Sóc Trăng làm chứng.

Trước đây vợ chồng ông P, bà L cũng đã làm giả giấy tờ, nhờ dịch vụ để sang tên hai phần đất được ghi trong tờ di chúc này, nhưng bà phát hiện và báo cho cha bà biết. Cha bà yêu cầu người làm dịch vụ rút hồ sơ về nên đã ngăn chặn được Hnh vi gian dối của vợ chồng ông Lê Văn P, bà Mai Thị L.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án N dân Quận 12 tuyên bố tờ di chúc do ông Lê Văn N yêu cầu công nhận là vô hiệu.

** Đại diện ủy quyền của các bà Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị Tuyết Minh, Lê Thị T Tr, Lê Thị Ngọc T là bà Nguyễn Thị H trình bày tại các bản khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Cha mẹ của ông Lê Văn N là ông Lê Văn P và bà Mai Thị Bích L đã lừa dối cha mẹ của các bị đơn là ông Lê Văn T và bà Lê Thị B để chiếm đoạt diện tích đất 1.124,8m² do ông T và bà B đứng tên khi các đồng bị đơn phát hiện là năm 2015. Vì vậy mà các bị đơn yêu cầu ông P, bà L phải trả lại cho ông T, bà B diện tích đất này. Vợ chồng ông P có ghi cam kết ngày 03/02/2015 chuyển trả quyền sử dụng đất lại cho ông T, bà B nhưng lại không trả.

Sau đó, ông Lê Văn T đề nghị Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc làm giấy ủy quyền cho bà Lê Thị Ngọc T vào ngày 16/8/2016 để làm đơn khởi kiện đến chính quyền giải quyết. Đồng thời các bị đơn phát hiện ông Lê Văn P và bà Mai Thị Bích L chiếm đoạt thêm 2 phần đất khác nữa. Một phần đất có diện tích 214,3m² có căn nh trên đất thuộc một phần thửa đất được cấp trong Giấy chứng nhận số 02048 QSDĐ/Q12/1999 do Ủy ban N dân Quận 12 cấp ngày 09/11/1999 và phần còn lại là 200m² hiện đang có 8 căn phòng trọ thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02047 do Ủy ban N dân Quận 12 cấp ngày 09/11/1999.

Ông P có nhờ ông Nguyễn Văn Duyên làm thủ tục xin cấp sổ nh đất nêu trên. Sổ nh cho căn nh thứ nhất là 367/11/1 được cấp ngày 06/02/2013, căn nh thứ 2 có số 367/11/7 cấp ngày 16/02/2013 nhưng chữ ký trên giấy cho đất không phải của ông Lê Văn T, đó là hai phần đất ông N nêu trong bản di chúc ngày 26/3/2016. Sổ nh đã làm xong, ông P tiếp tục nhờ ông Duyên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai phần đất có hai sổ nh nêu trên. Các bị đơn phát hiện ra sự việc đồng thời kêu ông P và ông Duyên rút hồ sơ về giao trả lại cho ông Lê Văn T. Ông P và bà L thấy không ổn nên tạo ra di chúc cho con là Lê Văn N đứng tên, hai người làm chứng trong bản di chúc này cha mẹ các bị đơn không hề quen biết vì hai người này quê quán ở Sóc Trăng là cùng quê với bà Mai Thị Bích L là vợ ông P. Nếu ông T có làm di chúc cho ông N thì sẽ nhờ công chứng làm di chúc, không lý do gì lại nhờ người không quen biết làm chứng. Ông T có nhiều người thân để nhờ làm chứng. Vả lại trong thời gian thừa kiện, ông T không thể nào làm di chúc cho con ông P được vì ông T biết âm mưu của vợ chồng ông P muốn chiếm đoạt tài sản của ông.

Nay các bị đơn không đồng ý với yêu cầu công nhận di chúc của ông Lê Văn N vì bản di chúc đó là giả mạo chữ ký và dấu V tay không phải của cha mẹ các bị đơn. Các bị đơn không yêu cầu giám định vì bản Di chúc. Ông N đưa ra thì bên ông N có nghĩa vụ phải chứng minh. Vì vậy, bản di chúc ông N đưa ra là không hợp pháp.

Trước đây, ngày 09/9/2019 bà T có làm đơn yêu cầu phân chia tài sản thừa kế theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án N dân Quận 12 chia thừa kế theo pháp luật đối với những tài sản nêu trên trong nội dung di chúc mà ông N

cung cấp cho Toà án và bà T đã đóng tiền tạm ứng án phí theo thông báo đóng tiền của Toà án. Ngày 25/9/2019 bà T đã có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện này. Nay các đồng bị đơn xác định lại lần nữa là các đồng bị đơn yêu cầu Toà án đình chỉ phần yêu cầu phân chia tài sản theo đơn yêu cầu bà T đã nộp này 09/9/2019.

Các bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên bản di chúc ngày 26/3/2016 là vô hiệu.

Ngoài ra yêu cầu bên ông N phải cung cấp 02 (hai) bản vẽ kèm theo bản Di chúc ông N cung cấp cho Tòa án vì các bị đơn thấy trong hồ sơ ông N chưa cung cấp hai bản vẽ này.

**Tại các phiên Tòa án hòa giải và ghi nhận ý kiến, bà Lê Thị Thu H trình bày:* Bà cùng ý kiến với ý kiến của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên công nhận bản di chúc viết tay ngày 26/3/2016 do ông Lê Văn T và bà B lập là hợp pháp và buộc các bị đơn phải công nhận bản di chúc này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 634 của Bộ luật dân sự năm 2015 về di chúc B văn bản có người làm chứng để tuyên bản di chúc trên là hợp pháp. Mặt khác, tuy bản di chúc có 02 tờ rời, khác nhau Riêng biệt nhưng tại tờ thứ nhất của bản di chúc có ghi thông tin tài sản của ông T và bà B và có đoạn ghi rõ: Sẽ để lại cho cháu trai của tôi: Họ và tên: Lê Văn N, sinh năm: 1999. Ngay tiếp theo sang tới tờ thứ hai của bản di chúc có ghi rõ ràng số thẻ căn cước của ông N. Do đó chính xác bản di chúc này là để lại các tài sản của ông T, bà B cho ông N như nội dung của bản di chúc đã ghi rõ.

Đại diện ủy quyền của các bà Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị T Tr, Lê Thị Ngọc T là bà Nguyễn Thị H yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bản di chúc ngày 26/3/2016 vô hiệu. Ngoài ra, bà H còn trình bày rằng: tại bản di chúc có ghi: Diện tích 200m² đất theo bản vẽ số 1156/VPĐK ngày 17/5/2013 (có tài sản trên đất là 08 căn nh trọ đang cho thuê)... Tuy nhiên, tờ bản đồ hiện trạng vị trí mà bên ông N cung cấp cho Tòa án là bản vẽ số 11566/VPĐK ngày 17/5/2013 chứ không phải tờ bản đồ số 1156/VPĐK ngày 17/5/2013. Có sự sai lệch này đã là không hợp pháp.

Bà Lê Thị Ngọc T trình bày thêm: Cha mẹ của bà là ông T và bà B tại thời điểm lập bản di chúc ông N nộp cho Tòa án khi đó đã rất già yếu, mẹ bà thường xuyên đau bệnh và đi bệnh viện. Ông bà sẽ không còn đủ tỉnh táo để nhờ người khác đánh máy nội dung bản di chúc được cẩn thận, rõ ràng như vậy. Mặt khác, Hng xóm thân thiết của cha mẹ bà có rất nhiều người xung quanh, vậy tại sao khi lập di chúc ông bà lại không nhờ những người Hng xóm này làm chứng cho việc lập di chúc của mình mà lại phải nhờ tới hai người ở đâu đến làm chứng như vậy. Do đó, bà không đồng ý với nội dung của bản di chúc ngày 26/3/2016. Bản di chúc này hoàn toàn là không hợp lý, không hợp pháp và yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên hủy bản di chúc ngày 26/3/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn trình bày tại phiên tòa như sau:

Bản di chúc ngày 26/3/2016 hoàn toàn không hợp pháp. Ngoài những trình bày của bà T và đại diện ủy quyền của các bị đơn ra thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 631, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên bản di chúc này là vô hiệu. Cụ thể, tại bản di chúc có hai Tr khác biệt nhau nhưng người lập di chúc cũng như hai người làm chứng lại không ký và điểm chỉ vào từng Tr, không có đánh số thứ tự từng Tr như pháp luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát N dân Quận 12, T phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án thụ lý việc dân sự “Yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp” theo đơn yêu cầu của ông Lê Văn N là chưa phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 09/9/2019, bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản do cha mẹ của bà T là ông Lê Văn T (chết ngày 19/01/2018), bà Lê Thị B (chết ngày 11/10/2017) để lại và Tòa án ra Thông báo đề nghị bà T nộp tiền tạm ứng án phí là không đúng với quy định tại Điều 363 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi bà T nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí thì Tòa án chưa tiến hành thụ lý yêu cầu này và đến ngày 25/9/2019, bà T đã có đơn rút lại yêu cầu nên vi phạm trên không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án. Đến ngày 05/8/2020, Tòa án ra Thông báo chuyển hồ sơ việc dân sự T vụ án dân sự về việc “Tranh chấp di chúc” theo Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 22/7/2020 của ông Lê Văn N là đã khắc phục được vi phạm về tố tụng (Do Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chưa có hướng dẫn về thủ tục chuyển hồ sơ việc dân sự T vụ án dân sự). Ngoài ra, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại Quyết định xét xử chưa bổ sung người làm chứng là ông Lý Sà R và ông Lê Văn M (ông R và ông M đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt) là có thiếu sót. Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án rút kinh nghiệm về các vi phạm trên.

Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu các nội dung như sau:

Thứ nhất, bản di chúc ngày 26/3/2016 do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập gồm hai Tr, nội dung mỗi Tr được trình bày trên 01 tờ giấy Reng biệt nhưng lại không được ghi số thứ tự; tại tờ thứ nhất của bản di chúc, ông T, bà B không ký tên hoặc điểm chỉ.

Thứ hai, tại tờ thứ hai của di chúc không ghi rõ nội dung ông N sẽ được hưởng những tài sản gì từ ông T và bà B nên không thể biết được tài sản mà ông T, bà B để lại cho ông N có đúng là tài sản tại tờ thứ nhất của di chúc hay không?

Thứ ba, lời khai của hai người làm chứng không có sự thống nhất.

Vì vậy, căn cứ vào các Điều 630, 631, 634, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N về việc công nhận bản di chúc ngày 26/3/2016 là hợp pháp; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về việc tuyên bố di chúc do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập ngày 26/3/2016 vô hiệu.

Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với những tài sản được nêu trong bản di chúc theo đơn yêu cầu ngày 09/9/2019: Xét thấy, mặc dù bà T đã nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí nhưng yêu cầu của bà T vẫn chưa được Tòa án thụ lý và ngày 25/9/2019, bà T đã có đơn rút lại yêu cầu này nên không có cơ sở xem xét, đề nghị Tòa án hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên công nhận bản di chúc ngày 26/3/2016 do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập. Bị đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án tuyên hủy bản di chúc ngày 26/3/2016 vô hiệu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp di chúc”. Do bản di chúc ngày 26/3/2016 ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập B giấy tờ tay đều ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên cả nguyên đơn và bị đơn đều có quyền khởi kiện vụ án theo quy định của Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiện nay bị đơn đều đang cư trú tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân Quận 12, T phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09/5/2019, ông Lê Văn N có nộp Đơn yêu cầu Tòa án công nhận di chúc hợp pháp đề ngày 03/4/2019, sau khi đương sự nộp tiền lệ phí thì Tòa án N dân Quận 12 thụ lý hồ sơ việc dân sự số 500/2019/DSST ngày 23/5/2019. Trong quá trình Tòa án làm việc với các đương sự, những người thuộc Hng thừa kế thứ nhất của ông T và bà B có ý kiến phản đối, không đồng ý với yêu cầu công nhận di chúc của ông N. Đồng thời ngày 09/9/2019 bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do ông T và bà B khi chết để lại. Sau khi nhận đơn, Tòa án N dân Quận 12 đã ban Hnh Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ngày 25/9/2019 bà T mới đồng thời vừa nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án vừa nộp đơn yêu cầu được rút yêu cầu khởi kiện này, do đó Tòa án không ban Hnh Thông báo thụ lý bổ sung đối

với yêu cầu của bà T. Nhận thấy các đương sự tranh chấp với nhau bản di chúc ngày 26/3/2016 nên ngày 22/7/2020 ông Lê Văn N có Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện, nội dung khởi kiện các ông bà: Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị T Tr, Lê Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T và yêu cầu Tòa án công nhận nội dung bản di chúc ngày 26/3/2016 là hợp pháp.

Xét thấy, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ngoài quy định tại Khoản 5 Điều 397 thì không có quy định cụ thể về thủ tục chuyển việc T vụ nên ngày 05/8/2020 Tòa án N dân Quận 12 đã có Thông báo chuyển hồ sơ việc dân sự T vụ án dân sự và tiếp tục giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trong vụ án:

Các đương sự cùng thống nhất khai rằng: Hai phần đất được ghi trong bản Di chúc ngày 26/3/2016 đã được cấp sổ nH theo hai địa chỉ: phần đất có diện tích 200m² (trên đất có 08 căn nH trọ) được cấp sổ nH 367/11/7, Tổ 25, đường Vườn Lài, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh và phần đất có diện tích 214.3m² trên đất là căn nH thờ chung được cấp sổ nH 367/11/1, Tổ 25, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh. Do đó những người sinh sống trên hai địa chỉ này được xác định là những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan (theo biên bản xác Minh được Công an phường APĐ cung cấp ngày 18/01/2021) bao gồm: Nguyễn Anh K, Giang Ánh Ngọc, Nguyễn Ngọc Linh, Thạch Thị Saren, Trần Công Đức, Lê Thị Kim Đào, Lý Văn Kính, Quang Phụng L, Lý T Thủy, Nguyễn T Quyên, Nguyễn Văn Vũ, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Dũng Em, Lê Thị Cẩm Thu, Đinh Văn Hết.

Các đương sự nêu trên đã có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt họ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Ông Lê Văn Tvà bà Lê Thị B có quan hệ vợ chồng với nhau. Ông Lê Văn Tchết ngày 19/01/2018, bà Lê Thị B chết ngày 11/10/2017. Cha mẹ của ông T và cha mẹ của bà B đã chết từ lâu, các đương sự khai họ không rõ họ tên ông bà nội ngoại cũng như không rõ họ chết từ khi nào. Ông T và bà B có tất cả 07 người con chung bao gồm các ông bà: Lê Thị Thu Ng, Lê Thị Kim Ánh V, Lê Thị Tuyết Minh, Lê Thị T Tr, Lê Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T và Lê Văn P. Ông Lê Văn N là con của ông Lê Văn P và là cháu nội của ông T, bà B.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999 và số 02048/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999 do Ủy ban N dân Quận 12 cấp cho ông Lê Văn T.

Tại di chúc ngày 26/3/2016, ông Lê Văn Tvà bà Lê Thị B lập B tay với nội dung như sau: Tờ thứ nhất (không đánh số Tr) của di chúc: “*Trong trạng thái tinh thần Minh mẫn, sáng suốt, chúng tôi lập di chúc này với những nội dung như sau: Sau khi chúng tôi qua đời thì tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chúng tôi trong quyền sử dụng đất nêu trên, gồm: 1. Diện tích 200m² đất theo bản vẽ số 1156/VPĐK ngày 17/5/2013 (có tài sản trên đất là 08 căn nH trọ đang cho thuê) thuộc thửa đất số 142, Tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999. 2. Diện tích là 214.3m² (có căn nH trên đất) theo bản vẽ số 123/HĐĐĐ/2013 do Công ty cổ phần đo đạc – xây dựng – kinh doanh nH Nguyễn Trường Minh lập ngày 18/01/2013 thuộc thửa số 191, Tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh căn cứ theo GCN quyền sử dụng đất số 02048/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999.*

Sẽ để lại cho cháu trai của tôi: Họ và tên: Lê Văn N, sinh năm: 1999.

Tờ thứ hai (không đánh số Tr) của di chúc ghi nội dung: “*Căn cước số 094099000014 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư trú. Thường trú: 1224/5D, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh. Ngoài Lê Văn N chúng tôi không để lại tài sản này cho bất kỳ người nào khác.*

Người làm chứng cho việc lập di chúc này, chúng tôi mời hai người làm chứng là: Họ và tên: Lý Sà R, chứng Minh N dân: 285575510 và Lê Văn M, chứng Minh N dân: 385484839.

Hai người làm chứng nêu trên do chúng tôi tự lựa chọn và mời đến, họ không thuộc những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của chúng tôi, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ tài sản L quan đến nội dung di chúc, họ có đầy đủ năng lực Hnh vi dân sự.

Tất cả những người con của chúng tôi phải thực hiện di chúc này và không được quyền cản trở cháu Lê Văn N nhận thừa kế, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với di sản thừa kế mà chúng tôi để lại.

Chúng tôi xác nhận di chúc đúng theo ý chí, nguyện vọng của chúng tôi. Chúng tôi đã đồng ý toàn bộ nội dung di chúc, không thêm bớt, sửa đổi điều gì và đã ký (điểm chỉ) vào di chúc này trước sự có mặt của người làm chứng.

Phía cuối cùng của Tr 2 là ông Lê Văn Tvà bà Lê Thị B điểm chỉ, ký tên.

Người làm chứng một ông Lý Sà R có ghi nội dung trong bản di chúc như sau: Tôi tên là Lý Sà R, CMND số 285575510, tôi có đọc toàn bộ nội dung di chúc cho ông Lê Văn Tvà bà Lê Thị B nghe, tôi nhận thấy ông T, bà B còn Minh mẫn sáng suốt, ông bà đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và ký tên lẫn tay vào di chúc.

Người làm chứng hai ông Lê Văn M ghi trong bản di chúc như sau: Tôi tên Lê Văn M, CMND số 385484839, tôi có chứng kiến ông Lý Sà R đọc di chúc

cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị B nghe. Tôi nhận thấy ông T và bà B còn Minh mẫn, sáng suốt ông bà đồng ý toàn bộ nội dung di chúc. Ký tên và lấn tay vào di chúc”.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Nguyễn Văn Q là đại diện ủy quyền của ông Lê Văn N có làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu V tay của ông Lê Văn T và bà Lê Thị B tại di chúc ngày 26/3/2016.

Ngày 23/6/2020, Tòa án N dân Quận 12 có ban Hành Quyết định trưng cầu giám định số 15/2020/QĐ-TCGD về việc trưng cầu Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tại T phố Hồ Chí Minh thực hiện việc giám định: Dấu V tay, chữ viết Lê Văn T, Lê Thị B ở dưới dòng chữ Người lập di chúc trong di chúc ngày 26/3/2016 và so sánh với các tài liệu chứng cứ là bản chính mà Tòa án đã thu thập tại các cơ quan NH nước có thẩm quyền có lưu giữ dấu V tay, chữ ký, chữ viết của ông T và bà B.

Theo Bản kết luận giám định số 3496/C09B ngày 31/7/2020 của Viện Khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại T phố Hồ Chí Minh kết luận với nội dung: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ ký mang tên Lê Văn T, Lê Thị B dưới mục “Người lập di chúc” là có phải một do cùng một người viết, ký ra hay không”.*

Theo Bản Kết luận giám định số 3496/1-C09B ngày 18/8/2020 của Viện Khoa học hình sự - Phân viện KHHS tại T phố Hồ Chí Minh kết luận với nội dung: *“Hai dấu V tay dưới mục “Người lập di chúc” ghi tên Lê Thị B trên bản Di chúc ngày 26/3/2016 (ký hiệu A) với 02 dấu V tay dưới mục “Bên cho (bên A) ghi họ tên Lê Thị B trên tờ “Hợp đồng tặng cho NH số 00938/HĐ-TCN lập ngày 09/02/2004 tại Phòng Công chứng số 5, T phố Hồ Chí Minh (ký hiệu M1) là do V tay của cùng 01 người in ra.*

Dấu V tay bên phải dưới mục “Người lập Di chúc” ghi họ tên Lê Văn T trên “Di chúc” ngày 26/3/2016 (ký hiệu A) với dấu V tay “TP” ghi họ tên Lê Văn T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) là do V tay của cùng một người in ra.

Dấu V tay bên trái dưới mục “Người di chúc” ghi họ tên Lê Văn T trên “Di chúc” ngày 26/3/2016 (ký hiệu A) bị mờ nhòe, thể hiện ít đặc điểm Rêng nên không đủ yếu tố giám định”.

Theo như nội dung của Kết quả giám định nêu trên thì đúng là phần cuối cùng của bản di chúc dấu lấn tay là của ông T và bà B. Tuy nhiên, di chúc gồm hai Tr giấy, mỗi Tr được trình bày trên 01 tờ giấy Rêng biệt nhưng các đương sự lại không ghi số thứ tự, không ký tên, điểm chỉ vào từng Tr của Di chúc. Tờ thứ nhất ghi toàn bộ nội dung thông tin của hai người để lại di sản và thông tin 02 khối tài sản mà ông T là người được cấp quyền sử dụng và sở hữu, có ghi họ tên của người nhận tài sản nhưng lại không có chữ ký hay điểm chỉ của hai người để

lại di chúc cũng như của hai người làm chứng. Tờ thứ 2 ghi thông tin căn cước của người nhận di sản, thông tin của hai người làm chứng và ông T, bà B cùng hai người làm chứng ký tên điểm chỉ. Theo quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự năm 2015 về di chúc B văn bản có người làm chứng có nội dung như sau: *“Trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.”*

Việc lập di chúc B văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này”.

Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định về Nội dung của di chúc. Khoản 3 có quy định: *“Di chúc không được viết tắt hoặc viết B ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều Tr thì mỗi Tr phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”.*

Như vậy, bản Di chúc ngày 26/3/2016 thực tế là có hai tờ giấy tách rời nhau, nội dung được viết vào hai Tr khác nhau và điều này được coi là di chúc gồm nhiều Tr nhưng di chúc lại không được đánh số thứ tự từng Tr. Mặt khác, hai người lập di chúc là ông T và bà B lại chỉ ký tên và điểm chỉ tại tờ cuối cùng của di chúc mà không điểm chỉ, ký tên tại tờ thứ nhất của di chúc.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Q là đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại tờ thứ nhất của di chúc có ghi tên của người được hưởng di sản thừa kế là ông Lê Văn N, tờ thứ hai đã ghi tiếp theo đúng số căn cước của ông N thì đúng là di sản của ông T, bà B để lại cho ông N chứ không phải là không có cơ sở công nhận di chúc ngày 26/3/2016 là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản di chúc ngày 26/3/2016 đúng là có ghi tên tài sản ông N sẽ được hưởng khi ông T và bà B chết để lại tại tờ thứ nhất của di chúc, tờ cuối cùng có ghi tiếp theo nội dung của tờ thứ nhất đúng số căn cước của ông N nhưng di chúc không được đánh số thứ tự, nội dung của tờ cuối cùng của di chúc không ghi xác định rõ nội dung là tài sản ông N sẽ được hưởng bao gồm những tài sản gì như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát N dân Quận 12. Do đó không có đủ cơ sở để xác định tài sản ở Tr thứ nhất của di chúc sẽ là tài sản do ông T, bà B xác định cho cháu mình là ông N. Mặt khác, như nhận định ở trên thì di chúc đã vi phạm về nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015. Di chúc không đánh số thứ tự Tr, không được người để lại di sản ký, điểm chỉ vào từng Tr nên là không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015. Về người làm chứng: Lời khai của hai người làm chứng tại Tòa án cũng hoàn toàn không thống nhất, bất nhất tại Bản tự khai ngày 06/12/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2019 cũng như tại Biên bản đối chất ngày 05/3/2021. Do đó việc làm

chứng của ông Lý Sà R và ông Lê Văn M là không đảm bảo tính xác thực của di chúc.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định di chúc ngày 26/3/2016 do ông Lê Văn Tvà bà Lê Thị B lập B tay là không hợp pháp và không có giá trị nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn tuyên di chúc ngày 26/3/2016 là vô hiệu.

Các tài sản được ghi trong di chúc ngày 26/3/2016 do ông N nộp tại Tòa hiện nay ông N chưa quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét về hậu quả của di chúc.

Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T về việc chia di sản thừa kế tại đơn yêu cầu ngày 09/9/2019 là quyền sử dụng đất có diện tích 200m² thuộc thửa đất số 142, Tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02047/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999 và quyền sử dụng đất có diện tích 214.3m² thuộc thửa số 191, Tờ bản đồ số 9, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh căn cứ theo GCN quyền sử dụng đất số 02048/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 09/11/1999: Xét thấy, ngày 09/9/2019, bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông T, bà B khi chết để lại theo quy định của pháp luật. Bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này của mình nhưng ngày 25/9/2019, bà T đồng thời nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cùng đơn rút yêu cầu này và trong quá trình Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử vụ án bà T xác định không yêu cầu chia di sản thừa kế do ông T, bà B để lại nên Tòa án không tiến Hnh thụ lý, giải quyết yêu cầu này của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà T, hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia di sản thừa kế.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu V tay của ông Lê Văn T, bà Lê Thị B và đã nộp tiền chi phí giám định. Tuy nhiên, do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu số tiền này theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Yêu cầu của bị đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị Ngọc T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn phản tố và bà T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng rút đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 630, 634, 643, Khoản 3 Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi Hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N về việc công nhận di chúc do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập ngày 26/3/2016 tại địa chỉ 1124/5D, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về việc tuyên bố di chúc do ông Lê Văn T và bà Lê Thị B lập ngày 26/3/2016 tại địa chỉ 1124/5D, Khu phố 2, phường APĐ, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh vô hiệu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông N đã nộp đủ số tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000109 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự Quận 12, T phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0105830 ngày 30/12/2020 và 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008143 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự Quận 12 ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, dấu V tay của ông Lê Văn T và bà Lê Thị B do ông Lê Văn N chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát N dân Quận 12;
- Chi cục Thi Hình án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương